

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2022/TLST-HN ngày 08 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Cẩm H, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Hà Thanh N, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị H và anh N sau thời gian quen biết, tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý nên có tổ chức đám cưới năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn Cao Thị Cẩm H và bị đơn Hà Thanh N.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Hà Cao N1, sinh ngày 06/9/2011. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hà Thanh N thống nhất có sống chung như vợ chồng với chị H nhưng không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng do chị H có quen người khác ở bên ngoài, đồng thời vợ chồng thường xuyên cự cãi trong cuộc sống gia đình nên anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được. Đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn Cao Thị Cẩm H và bị đơn Hà Thanh N.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Hà Cao N1, sinh ngày 06/9/2011. Bị đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn; Về con chung: Giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn chưa cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2010. Đến trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thì các đương sự vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nên khi các đương sự có yêu cầu ly hôn thì Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết và không công nhận vợ chồng cho các đương sự theo định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng đối với bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn và bị

đơn qua tìm hiểu, quen biết và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân của các đương sự không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được. Cho nên các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có 01 con chung là Hà Cao N1, sinh ngày 06/9/2011. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Hà Cao N1 có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn. Mặt khác, từ thời điểm nguyên đơn và bị đơn ly thân thì cháu Hà Cao N1 vẫn sống chung với nguyên đơn và gia đình ông, bà ngoại. Trong thời gian này, bị đơn cũng không thường xuyên đến để thăm nom, chăm sóc, vun đắp tình cảm cha con. Hơn nữa, chưa có chứng cứ, chứng minh nào xác định chị H không chăm sóc tốt cho cháu hay làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu Nhân. Thêm vào đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”* Như vậy, cháu Nhân đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với chị H nên nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Nhân nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của cháu Nhân. Giao cháu Hà Cao N1 cho nguyên đơn Cao Thị Cẩm H tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm

sóc, giáo dục con chung cho bị đơn không ai có quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Cẩm H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Cao Thị Cẩm H và bị đơn Hà Thanh N.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Cao N1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 06/9/2011 cho nguyên đơn Cao Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn Hà Thanh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn Hà Thanh N không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Cao Thị Cẩm H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008235 ngày 08

tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Tuấn Khanh**